TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 09-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lãnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Hiệp;

2. Ông Nguyễn Gia Đông;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Diễm My - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà:*** Ông Trần Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2023/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/HSST-QĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn B, sinh năm 1981 tại huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T và bà Trịnh Thị S, sinh năm 1940; vợ là bà Đoàn Thị L, sinh năm 1983; có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Văn Đ; sinh năm 1979 tại huyện H, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: ngư nghiệp; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị X; vợ là bà Nguyễn Thị T; có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B:* Bà Lê Thị Thanh L; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; do ông Lê Thanh Luận; chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hồ H, sinh năm 1976; trú tại: thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Dương Văn C, sinh năm 1971; trú tại: thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1966; trú tại: thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1971; trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Trần T, sinh năm 1937;

+ Bà Trịnh Thị S, sinh năm 1940;

Cùng trú tại: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1984; trú tại: ấp Đ, xã Ba, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tất cả đều vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974; trú tại: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1992;

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

+ Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1985;

+ Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1980;

+ Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1983;

Cùng trú tại: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1978; trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Trương Thanh C, sinh năm 1971; trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Cái Văn L, sinh năm 1990; trú tại: thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/8/2022, tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam; tổ công tác của Hạt Kiểm lâm huyện H kiểm tra phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 92C-07947 do ông Hồ H vận chuyển củi rừng tự nhiên trong vụ việc phá rừng trái pháp luật xảy ra tại khoảnh 6, Tiểu khu 513, thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam nên tiến hành lập biên bản để điều tra, xác minh; quá trình điều tra xác định:

Ông Trần Văn B và gia đình có quản lý, sử dụng một diện tích rừng tự nhiên tại khu vực Cây Bùi, khoảnh 6, Tiểu khu 513 thuộc thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam từ trước đến nay. Quá trình quản lý, sử dụng, ông Trần Văn B tiến hành phát giáp ranh với diện tích rừng của các hộ dân xung quanh để chăn thả bò. Vào ngày 26/8/2009, Trần Văn B được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấp chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 688972 với diện tích sử dụng 17.528m^2; mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất; thửa đất được trích từ bản đồ giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo Dự án KFW6 năm 2009.

Ngày 01/7/2022, Trần Văn B ký hợp đồng bằng giấy viết tay làm ăn chia với Lê Văn Đ để cùng khai hoang diện tích rừng tự nhiên nêu trên, mục đích để trồng loài cây Keo trong thời hạn 10 năm, ông B 03 phần, ông Đ 07 phần.

Sau khi ký hợp đồng, Trần Văn B gọi điện thông báo với Lê Văn Đ về việc mình không thuê được người phát rừng và yêu cầu Lê Văn Đ đi tìm người phát rừng. Lê Văn Đ thuê ông Trương Thanh C phát luỗng diện tích rừng nêu trên để trồng cây Keo lá tràm, với giá tiền 26.000.000 đồng thì ông C đồng ý. Ông C thuê 05 người gồm: bà Đặng Thị T, ông Cái Văn L, bà Trần Thị Bích H, ông Nguyễn Minh T và một người tên Long không rõ lai lịch, dùng rựa phát luỗng dây leo, cây bụi rậm. Sau khi phát luỗng xong, ông C thuê một người thanh niên là người dân tộc ở tỉnh Quảng Ngãi *(không rõ lai lịch)*, dùng máy cưa xăng, cưa hạ toàn bộ cây rừng nêu trên. Sau khi thực hiện xong theo hợp đồng, ông Lê Văn Đ trả cho ông Trương Thanh C số tiền 26.000.000 đồng. Ông C trả tiền công những người đi phát luỗng và người thanh niên cưa hạ cây rừng hết số tiền 16.800.000 đồng. Ông Đ thuê ông Nguyễn Văn L điều khiển xe máy múc lên múc đường, cào đất, thân cây khô để tạo khoảng cách an toàn với các diện tích rừng xung quanh, một khoảng thời gian sau ông Lê Văn Đ lên đốt cháy hoàn toàn diện tích rừng nêu trên.

Ông Trần Văn B cho ông Dương Văn C vận chuyển số gỗ trên về làm củi. Ngày 01/8/2022, ông Dương Văn C thuê xe ô tô tải biển kiểm soát 92C-07947 của ông Hồ H chuyển số gỗ từ rừng tự nhiên trong vụ việc phá rừng trái pháp luật xảy ra tại khoảnh 6, Tiểu khu 513, thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam thì bị tổ công tác của Hạt Kiểm lâm huyện H phát hiện bắt giữ, điều tra xử lý.

Ngày 12/8/2022, Hạt Kiểm lâm huyện H chủ trì phối hợp với các ngành, cơ quan tiến hành tố tụng huyện H tổ chức khám nghiệm hiện trường, xác định: dùng rựa phát, cưa hạ cây rừng, đốt cháy diện tích rừng là 34.220 m^2, trong đó: Diện tích

đất có rừng tự nhiên là 15.498m^2 gồm 301 cây (trong đó số cây còn nguyên tại hiện trường là 183 cây, có trữ lượng là 15,518m^3 và số cây đã lấy đi khỏi hiện trường còn lại gốc là 118 cây (chưa xác định được trữ lượng). Diện tích đất trống có một số cây gỗ mọc rải rác là 18.722m^2 gồm 36 cây (trong đó số cây còn nguyên tại hiện trường là 19 cây, có trữ lượng là 1,146m^3 và số cây đã lấy đi khỏi hiện trường còn lại gốc là 17 cây (chưa xác định được trữ lượng); chủng loại gồm: Bông bạc, Trôm, Bộp, Dầu, Côm bạc lá, Chân chim, Nang, Trâm, Bùi, Sung, Sơn, Giẻ bộp. Lành ngạnh, Đỏ ngọn, Mít nài... gỗ từ nhóm V-VIII. Diện tích rừng tự nhiên bị thiệt hại nêu trên thuộc dự án KFW6 tại khoảnh 6, Tiểu khu 513, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam do Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

Tại Kết luận giám định số 630/CNR-VP ngày 07/11/2022 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận: Tổng khối lượng gỗ (*cả vỏ*) của 118 cây chỉ còn gốc được tính thông qua phương trình tương quan của các cây rừng tự nhiên bị cưa hạ khu vực 15.498 m^2 là 10,104 m^3 và trữ lượng của khu vực này là 16,526 m^3/ha; Tổng khối lượng gỗ (*cả vỏ*) của 17 cây chỉ còn gốc được tính thông qua phương trình tương quan của các cây rừng tự nhiên bị cưa hạ khu vực 18.722m^2 là 0,618 m^3 và trữ lượng của khu vực này là 0,941m^3/ha; Qua kết luận giám định đã xác định diện tích rừng bị phá 15.498m^2 bị thiệt hại 301 cây (*số cây còn lại tại hiện trưởng 183 cây, số cây lấy đi khỏi hiện trường 118 cây)*, có tổng trữ lượng trên diện tích 25,622m^3; có trữ lượng trên hecta 16,526m^3/ha thuộc rừng lá rộng thường xanh nghèo kiệt (*trữ lượng cây đứng từ 10m3 đến 50m^3/ha*) và diện tích đất trống 18.722m^2 bị thiệt hại 36 cây, có tổng trữ lượng 1,764m^3, trữ lượng trên hecta 0,941m^3/ha *(chưa đảm bảo tiêu chí rừng tự nhiên nên thuộc đất không có rừng).*

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: giá trị diện tích rừng tự nhiên 15.498m^2 bị phá trái pháp luật tại khoảnh 6, Tiểu khu 513, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam có tổng trữ lượng gổ bị thiệt hại là 25,622m^3, có trữ lượng gổ trên hecta là 16,526m^3 quy tròn, có kiểu trạng thái rừng gổ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt, quy hoạch chức năng sản xuất, mức độ thiệt hại 10/10, thời điểm định giá tháng 11/2022 là 183.029.785 đồng.

Tại Công văn số 470/CCKL-SD&PTR ngày 15/9/2022 xác định tại khoảnh 6, Tiểu khu 513, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam được quy hoạch rừng sản xuất.

Cơ quan Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H và Ủy ban nhân dân xã T xác định thửa đất vi phạm 34.220m^2 tại khoảnh 6, Tiểu khu 513, xã T nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án KFW6 đã cấp cho các hộ dân nhận khoán như sau:

(1) Ông Trần Văn T (*em ruột ông Trần Văn B*) là 10,529m^2 (*gồm 7,333.50m^2 đất có rừng tự nhiên và 3,195.50m^2 đất trống*).

(2) Ông Trần T và bà Trịnh Thị S (*là cha, mẹ ông Trần Văn B*) là 10,228.60m^2 (*gồm 7,839.40m^2 đất có rừng tự nhiên và 2,389.20m^2 đất trống*).

(3) Bà Nguyễn Thị Kim O là 423.40m^2 (*gồm 59.1m^2 đất có rừng tự nhiên và 364.30m^2 đất trống*).

(4) Còn lại 13,039m^2 do Ủy ban nhân dân xã T quản lý (*gồm 266m^2 đất có rừng tự nhiên và 12,773m^2 đất trống*).

Qua kiểm tra xác định các tọa độ ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 688972 do Ủy ban nhân dân huyện cấp cho ông Trần Văn B vào ngày 26/8/2009 thuộc khoảnh 1, Tiểu khu 516, xã T đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H là người quản lý, sử dụng hợp pháp từ năm 2014 đến nay.

* Việc tạm giữ, thu giữ vật chứng:

- 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 92C-07947, giấy đăng ký xe số 92008603 và giấy chứng nhận kiểm định số DA 1085761 của ông Hồ H.

- Một cái rựa có tổng chiều dài 60 cm gồm phần cán làm bằng thân cây Lụi dài 35 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25 cm của ông Nguyễn Minh T.

- Một cái rựa có tổng chiều dài 37 cm gồm phần cán làm bằng thân cây Lụi dài 10 cm, phần lưỡi làm bằng kim loại dài 27 cm, giữa phần cán và phần lưỡi có gắn 03 khoen kim loại hình tròn của bà Đặng Thị T.

- Một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 754552, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần T và bà Trịnh Thị S.

- Một Giấy thỏa thuận làm đất lập ngày 02/7/2022 giữa ông Trần Văn B và ông Lê Văn Đ.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Trần Văn B, Lê Văn Đ về tội "*Hủy hoại rừng*" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gia thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Trả lại: Một cái rựa có tổng chiều dài 60 cm gồm phần cán làm bằng thân cây Lụi dài 35 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25 cm cho ông Nguyễn Minh T là chủ sở hữu; Một cái rựa có tổng chiều dài 37 cm gồm phần cán làm bằng thân cây lụi dài 10 cm, phần lưỡi làm bằng kim loại dài 27 cm, giữa phần cán và phần lưỡi có gắn 03 khoen kim loại hình tròn cho bà Đặng Thị T là chủ sở hữu; Một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 754552, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần

T và bà Trịnh Thị S là chủ sở hữu. Tịch thu tiêu hủy: Một Giấy thỏa thuận làm đất lập ngày 02/7/2022 giữa ông Trần Văn B và ông Lê Văn Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Xử là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, yêu cầu các bị cáo trong vụ án liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 183.029.785 đồng. Bị cáo Lê Văn Đ đã bồi thường thiệt hại được số tiền 1.000.000 đồng. Bị can Trần Văn B đã bồi thường thiệt hại được số tiền 500.000 đồng. Số tiền còn lại là 181.529.785 đồng đề nghị các bị cáo liên đới chịu trách nhiệm tiếp tục bồi thường. Ông Trần Văn T, ông Trần T *(đã chết*) và bà Trịnh Thị S, bà Nguyễn Thị Kim O không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn B và Lê Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B trình bày luận cứ bào chữa: Người bào chữa thống nhất với tội danh mà Cáo trạng đã truy tố cũng như việc đề nghị áp dụng hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo Trần Văn B. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng: Nguyên nhân chính dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo B xuất phát từ việc quản lý của các cơ quan có thẩm quyền. Dự án KFW6 hiện nay không còn nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Nhân dân vẫn tồn tại nhưng Nhà nước không thu hồi hay hủy bỏ. Khi tham gia dự án, đa số Nhân dân không biết được việc khai thác rừng thuộc dự án này phải xin phép chính quyền địa phương. Bản thân bị cáo B nhận thức pháp luật còn hạn chế, cho rằng Nhà nước cấp đất cha mẹ thì được quyền sử dụng mới dẫn đến hành vi vi phạm. Trong khi các khu vực xung quanh, Nhân dân đã trồng cây Keo khai thác được nhiều mùa. Bản thân gia đình bị cáo không còn diện tích rừng nào khác ngoài diện tích này. Ngoài ra, gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn đặc biệt: Vợ bị cáo bị bệnh động kinh không làm chủ được bản thân. Bị cáo là lao động duy nhất nuôi 04 con nhỏ và mẹ già trên 80 tuổi. Bị cáo có nhân thân tốt; quá trình điều tra, tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Từ những tình tiết trên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo và cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định. Người bào chữa đề nghị miễn án phí cho bị cáo do thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn dân sự, người có lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai được lưu giữ trong hồ sơ vụ án, nếu cần thiết Hội đồng xét xử công bố lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Ngày 01/7/2022, Trần Văn B ký hợp đồng bằng giấy viết tay làm ăn chia với Lê Văn Đ để thuê người sử dụng máy cưa xăng vào rừng phát luỗng, cưa hạ trắng cây rừng tự nhiên trên diện tích đất 15.498m^2 tại khoảnh 6, Tiểu khu 513 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho các hộ dân tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam thuộc dự án KWF6 do Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

Căn cứ Công văn số 470/CCKL-SD&PTR ngày 15/9/2022 của Chi cục Kiểm lâm Quảng Nam xác định diện tích rừng 15.498m^2 tại khoảnh 6, Tiểu khu 513 thuộc thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam được quy hoạch là rừng tự nhiên, có trạng thái rừng thường xanh nghèo kiệt, chức năng sản xuất.

Tại Biên bản định giá lại ngày 17/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H xác định giá trị thiệt hại về rừng trong phần diện tích 15.498m^2 là 183.029.785 đồng.

Do đó, hành vi trên của các bị cáo Trần Văn B, Lê Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Hủy hoại rừng*" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Rừng có một vai trò rất quan trọng đối với đời sống của con người cũng như nhiều loài động, thực vật. Luật Bảo vệ và phát triển rừng quy định bảo vệ rừng là trách nhiệm của toàn dân. Tuy nhiên, do thiếu hiểu biết, nên các bị cáo đã khai, phá đất rừng được Nhà nước cấp cho gia đình theo Dự án KFW6 để trồng keo. Nghĩa vụ của người được giao đất phải thực hiện quản lý, bảo vệ rừng, chống chặt phá, phòng cháy và chữa cháy rừng, phát dọn dây leo, cây bụi để thúc đẩy thành rừng và muốn khai thác cây rừng phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, các bị cáo tự ý thuê người tiến hành chặt phá toàn bộ cây rừng để lấy đất trồng keo là không đúng với mục đích sử dụng đất. Hành vi này của các bị cáo đã gây thiệt hại về lâm sản và gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng.

[4] Xét vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là một bên có đất rừng được Nhà nước cấp, một bên bỏ tiền ra để thuê nhân công chặt hạ cây rừng để lấy đất trồng keo, là hình thức đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Vì vậy, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi và hậu quả do mình gây ra. Trong đó, bị cáo Trần Văn B có đất rủ bị cáo Lê Văn Đ thuê người phá rừng nên bị cáo B chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Các bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Bị cáo B là lao động duy nhất. Bị cáo Đ là lao động chính. Nguyên đơn dân sự yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 12/8/2022 và ngày 31/7/2023: *Ông Trần Văn B là hộ nghèo, diện tích đất rừng mà ông B khai, phá trước đây là của cha, mẹ, anh, em ông B từng sinh sống và canh tác, ngoài khu đất được UBND huyện cấp theo Dự án KFW6, gia đình ông Trần Văn B không có đất nào khác; ngoài ra bị cáo B là lao động duy nhất nuôi 04 con nhỏ đang đi học, vợ bị bệnh động kinh không lao động được, mẹ ruột già yếu trên 80 tuổi; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giảm nhẹ hình phạt*. Ủy ban nhân dân thị trấn T xác nhận ngày 14/7/2023: *Ông Lê Văn Đ là lao động chính, vợ không có việc làm ổn định, đang nuôi 04 con đang đi học*. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên và luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Văn B áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt do điều luật quy định. Đồng thời, xét thấy các bị cáo Trần Văn B, Lê Văn Đ đủ điều kiện để xử phạt tù cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại văn bản hợp nhất Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo là thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Diện tích rừng mà các bị cáo hủy hoại đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các hộ gia đình, cá nhân đã được cấp là chủ rừng. Tuy nhiên, diện tích rừng bị hủy hoại là rừng tự nhiên nên theo Điều 7 Luật Lâm nghiệp thì Nhà nước là đại diện chủ sở hữu rừng. Vì vậy, xác định Ủy ban nhân dân xã T bị thiệt hại về rừng là nguyên đơn dân sự.

Ngày 24/3/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự ông ông Nguyễn Văn Xử có đơn yêu cầu các bị cáo Trần Văn B, Lê Văn Đ liên đới bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra với tổng số tiền là

183.029.785 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 14/7/2023 tại Tòa án nhân dân huyện H, nguyên đơn dân sự và các bị cáo thống nhất thỏa thuận bồi thường số tiền trên cho Ủy ban nhân dân xã T và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này; trong đó mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường số tiền là 91.515.000 đồng. Bị cáo Trần Văn B đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 91.015.000 đồng bị cáo tiếp tục bồi thường. Bị cáo Lê Văn Đ đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 90.515.000 đồng bị cáo tiếp tục bồi thường. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện không vi phạm pháp luật nên ghi nhận.

- Đối với các hộ dân và cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích rừng bị thiệt hại là hộ ông Trần Văn T, ông Trần T và bà Trịnh Thị S, bà Nguyễn Thị Kim O không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng vụ án:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc làm một công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm nhưng xét thấy điều kiện của bị cáo Lê Văn Đ không có việc làm ổn định, bị cáo Trần Văn B thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Đối với 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 92C-07947, giấy đăng ký xe số 92008603 và giấy chứng nhận kiểm định số DA 1085761 của ông Hồ H không liên quan đến tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trao trả cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

- Đối với 01 cái rựa chiều dài 60 cm gồm phần cán làm bằng thân cây Lụi dài 35 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25 cm của ông Nguyễn Minh T; 01 cái rựa có tổng chiều dài 37 cm gồm phần cán làm bằng thân cây lụi dài 10 cm, phần lưỡi làm bằng kim loại dài 27 cm, giữa phần cán và phần lưỡi có gắn 03 khoen kim loại hình tròn của bà Đặng Thị T là phương tiện của những người được thuê phát dọn cây rừng nhưng những người này không biết việc phác dọn rừng tự nhiên trái pháp luật nên cần trao trả cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 754552, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần T và bà Trịnh Thị S không liên quan đến tội phạm nên cần trao trả cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 giấy thỏa thuận làm đất lập ngày 02/7/2022 giữa ông Trần Văn B và ông Lê Văn Đ là trái pháp luật nhưng là vật chứng vụ án nên cần lưu trữ vào hồ sơ vụ án.

[8] Đối với hành vi của một số người được thuê dùng cưa máy, rựa phác dọn rừng nhưng những người này làm công, không biết diện tích đất rừng các bị cáo thuê chặt phá là rừng tự nhiên có chức năng sản xuất, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý hình sự là phù hợp.

[9] Về án phí:

- Về án phí hình sự: Bị cáo Lê Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn B thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự: Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo và nguyên đơn dân sự đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận này. Do đó, các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Trần Văn B, Lê Văn Đ phạm tội "*Hủy hoại rừng*"

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Xử phạt bị cáo Trần Văn B 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Trần Văn B, Lê Văn Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam số tiền tổng cộng là 183.029.785 đồng (*Một trăm tám ba triệu, không trăm hai chín nghìn, bảy trăm tám lăm đồng*). Trong đó mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường số tiền là 91.515.000 đồng (*Chín mươi mốt triệu, năm trăm mười lăm ngàn đồng*). Bị cáo Trần Văn B đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 91.015.000 đồng (*Chín mươi mốt triệu, không trăm mười lăm ngàn đồng*) bị cáo phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường. Bị cáo Lê Văn Đ đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 90.515.000 đồng (*Chín mươi triệu, không trăm mười lăm ngàn đồng*) bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường.

(*Số tiền các bị cáo Trần Văn B, Lê Văn Đ nộp theo các Biên lai thu tiền số 0035142 ngày 11/5/2023 và 0035143 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về biện pháp tư pháp, vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

- Trả lại:

+ 01 (một) cái rựa cho ông Nguyễn Minh T.

+ 01 (một) cái rựa cho bà Đặng Thị T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 754552, do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông Trần T và bà Trịnh Thị S.

- Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy thỏa thuận làm đất lập ngày 02/7/2022 giữa bị cáo Trần Văn B và bị cáo Lê Văn Đ.

(*Tất cả các vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H lập ngày 19/5/2023*).

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; các điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*hai trăm nghìn)* đồng.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn B.

[5] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 09/8/2023*). Riêng người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Nam (PV06);
- VKSND huyện Hiệp Đức;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Đức;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức;
- Văn phòng Công an huyện Hiệp Đức;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Lãnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**